



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
XÂY DỰNG SCG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 214/2025/SCG-CBTT

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2025

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội  
Quý Cổ đông**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG

Mã chứng khoán: SCG

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 0247 305 9979

Website: <https://scgr.vn>

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Đình Đức – Người được ủy quyền CBTT

Loại công bố thông tin: ☐ Định kỳ ☐ Bất thường ☒ 24h ☐ Khác

**Nội dung công bố thông tin:**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG công bố thông tin Phụ lục số 02 về việc sửa đổi Điều lệ Công ty. Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13./04/2025 tại đường dẫn <https://scgr.vn/van-ban-phap-ly/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *thư n*

**Nơi nhận:**

- Như trên.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Nguyễn Đình Đức**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC SỐ 02**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG SCG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán năm số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG (“Công ty”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/SCG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/04/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCC;
- Căn cứ Tờ trình số 09/SCG/TTr-HĐQT ngày 22/03/2025 v/v sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty.

Phụ lục số 02 này được lập ngày .13./04./2025 là một phần không tách rời của Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG, với nội dung cụ thể như sau:

**Điều 1. Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG sửa đổi Điều 5.1 Ngành, nghề kinh doanh của Điều lệ Công ty như sau:**

**5.1. Ngành, nghề kinh doanh**

Công ty được phép hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn, trong các lĩnh vực sau:

| STT | Ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br><br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,... | 4663     |
| 2.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4223     |

| STT | Ngành                                                                                                                                                                | Mã ngành                |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 3.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                    | 4229                    |
| 4.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                             | 4291                    |
| 5.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                      | 4292                    |
| 6.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                | 4293                    |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                           | 4299                    |
| 8.  | <b>Xây dựng nhà ở</b>                                                                                                                                                | <b>4101<br/>(Chính)</b> |
| 9.  | Xây dựng nhà không ở                                                                                                                                                 | 4102                    |
| 10. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                        | 4211                    |
| 11. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                         | 4212                    |
| 12. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                             | 4221                    |
| 13. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                  | 4222                    |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                               | 4311                    |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                    | 4312                    |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                | 4321                    |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                | 4322                    |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                       | 4329                    |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                       | 4330                    |
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                  | 4390                    |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                       | 7410                    |
| 22. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br><br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                       | 6810                    |
| 23. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br><br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản. | 6820                    |
| 24. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                             | 7020                    |
| 25. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                              | 8110                    |
| 26. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                | 8121                    |



| STT | Ngành                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------|----------|
| 27. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan | 8130     |
| 28. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp | 8211     |

## Điều 2. Hiệu lực

Phụ lục số 02 này thay thế điều khoản tương ứng trong Điều lệ Công ty và có hiệu lực kể từ ngày ký. Những điều, khoản khác tại Điều lệ Công ty vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**BÙI VĂN TƯ**

